TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 12 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 211/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Lan A, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị Lan A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, đến ngày 24/02/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh L nghiện ma túy không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đánh đập chị A nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay chị A nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A và anh L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/9/2010 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 30/5/2013. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu Vcho đến khi các cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị A cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã Nghĩa Bình ngày 24/02/2011; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu gia đình; 02 bản sao giấy khai sinh. Ngoài ra, chị A không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Tại bản tự khai ngày 26/11/2022, bị đơn anh Nguyễn Xuân L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị A. Quá trình chung sống, vợ chồng có lúc xảy ra mâu thuẫn nhỏ về tài chính nhưng chỉ ở mức độ bình thường và không thường xuyên nên đều tự giải quyết với nhau, chị A và anh L vẫn chung sống hạnh phúc. Do đó, anh L không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: Chị A và anh L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/9/2010 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 30/5/2013. Trường hợp phải ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, cháu Vcho đến khi các cháu thành niên sau khi anh L chấp hành xong thời gian cai nghiện, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Khánh L, cháu Nguyễn Khánh V trình bày: Cháu Linh và cháu Vy là con của anh Nguyễn Xuân L và chị Đào Thị Lan A. Nếu anh L và chị A ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Đào Thị Lan A.

Tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Xuân L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; nguyên đơn chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý giao các con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện nay anh L đang đi cai nghiện không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh L vì anh L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị Lan A. Về con chung giao cháu Nguyễn Khánh L, cháu Nguyễn Khánh V cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của chị Đào Thị Lan A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Xuân L. Bị đơn có hộ khẩu thường chú tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc giải quyết vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xuân L: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, anh L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Lan A và anh Nguyễn Xuân L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/02/2011 đã được chị A giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh L là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời trình bày của chị A thì từ năm 2016 chị A và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, anh L không lo làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình mà ăn chơi nghiện ngập, anh L còn có hành vi bạo lực với chị A. Tuy nhiên, anh L không thừa nhận giữa anh L và chị A có mâu thuẫn như chị A trình bày mà vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ về kinh tế, vẫn chung sống hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi anh L và chị A chung sống thì giữa anh L và chị A có xảy ra mâu thuẫn và xô xát nhiều lần nhưng chị A không yêu cầu xử lý hành chính. Khi làm đơn ly hôn chị A cũng có nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Như vậy, quá trình chung sống giữa anh L và chị A có mâu thuẫn gia đình như lời trình bày của chị A, việc anh L cho rằng giữa anh L và chị A chỉ có mâu thuẫn nhỏ là không có

căn cứ. Hiện nay chị A xác định không còn tình cảm nên vẫn cương quyết muốn ly hôn với anh L. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Chị A và anh L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 13/02/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, cháu Linh và không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, qua làm việc thì cháu Vy và cháu Linh đều có nguyện vọng được ở với chị A nếu chị A và anh L ly hôn. Mặt khác, hiện nay anh L đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vy và cháu Linh. Do đó, để đảm quyền và lợi ích trong cuộc sống và học tập của cháu Vy, cháu Linh cần giao cháu Vy, cháu Linh cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh L và chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Lan A về việc xin ly hôn. Chị Đào Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/9/2010 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 30/5/2013 cho chị Đào Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm

dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Đào Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000693 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Nghĩa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Phạm Thành Đô **Lê Thị Thận** **Trương Thị Đào**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Nghĩa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đô và bà Lê Thị Thận

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Lan A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

[1] **Về điều luật áp dụng:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Lan A về việc xin ly hôn. Chị Đào Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

Kết quả biểu quyết: 03/03

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/9/2010 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 30/5/2013 cho chị Đào Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 03/03

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 03/03

3. **Về án phí và các vấn đề khác:**

Về án phí: Nguyên đơn chị Đào Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000693 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Kết quả biểu quyết 03/03

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Đô **Lê Thị Thận** **Trương Thị Đào**